TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **62**/2019/DS-PT
Ngày 17/9/2019
V/v: Tranh chấp HĐ vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hà Huy Hùng.
Các Thẩm phán: Bà Lê Thu Hương.
Ông Phạm Văn Long.
Thư ký phiên toà: Bà Phạm Bảo Yến. Thư ký TAND tỉnh Thanh Hoá.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:
Bà Cù Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 51/2019/DSPT ngày 19/8/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 12/7/2019 của Toà án nhân dân huyện Hậu Lộc bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 66/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** 1. Anh Đặng Văn Đ - sinh năm 1970.
2. Chị Phạm Thị Th - năm 1975.
Cùng địa chỉ: Thôn M. Th, xã M. L, huyện Hậu Lộc, Thanh Hóa.

*** Bị đơn:** Chị Trình Thị S - Sinh năm 1971.
Địa chỉ: Thôn M. Th, xã M. L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

*** Người làm chứng:** Chị Đinh Thị H - sinh năm 1980.
Địa chỉ: Thôn M. Th, xã M. L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

* *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Trình Thị S.

* Tại phiên tòa, có mặt anh Đ, chị Th và chị S (bị đơn kháng cáo). Vắng mặt chị Đinh Thị H (người làm chứng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Theo Nguyên đơn trình bày: Ngày 25/8/2018 âm lịch tức 04/10/2018 chị Trình Thị S vay của vợ chồng anh Đ (Th) số tiền 550.000.000đ, thời hạn vay 02 tháng có viết giấy vay nợ, về lãi xuất thỏa Th theo ngân hàng nhưng không ghi vào giấy vay. Đến hạn vợ chồng anh đến đòi nhiều lần nhưng chị S cố tình không trả. Nay anh làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc

giải quyết buộc chị Trình Thị S phải trả số tiền nợ gốc là 550.000.000đ. Về phần lãi suất, anh yêu cầu trả theo lãi xuất ngân hàng.

2. Theo bị đơn trình bày: Chị có vay của chị Đinh Thị H số tiền 410.000.000đ. Đến khoảng tháng 8 năm 2018 chị H có nói với chị là bị vỡ nợ và nhờ chị chuyển nợ sang trả số nợ đó cho nhà Dang Din ở thôn Thắng Lập, xã Ngư Lộc là 410.000.000đ. Chị H có vay nợ nhà Đ (Th) nhưng chị đã trả số tiền vay nhà chị H sang nhà Dang Din và không nói với chị về việc chuyển nợ sang trả nợ cho nhà Đ (Th) mà đã chuyển nợ sang nhà Dang Din. Đến cuối tháng 8/2018 anh Đ (Th) đến nhà chị đưa giấy vay tiền và nói *"Cô ký vào đây cho tôi một tý để tôi làm việc cô H"*, đầu tiên chị không ký, nhưng vợ chồng Đ, Th ép nên chị ký vào giấy, chị cũng không biết nội dung giấy đấy là gì, lúc chị ký cũng không có chị H ở đó. Nay anh Đ (Th) yêu cầu chị trả số tiền 550.000.000đ và tiền lãi chị S không đồng ý.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Việc vay nợ giữa nhà Đ (Th) và chị Trình Thị S là việc chuyển quan hệ nợ giữa chị và chị S sang nợ nhà Đ, Th: Do chị vay tiền nhà anh Đ, Th 2 tỉ đồng; Chị cho chị S vay lại 410.000.000đ nên việc xác lập hợp đồng vay tài sản mà các bên ký giấy nhận nợ ngày 25/8/2018 âm lịch giữa anh Đ (Th) và chị S là việc chuyển nợ từ việc chị S nợ chị H sang chị S nợ anh Đ. Thực tế chị S không vay tiền của anh Đ (Th). Chị đề xuất nếu chị S không trả cho anh Đ (Th) thì chị có trách nhiệm trả cho anh Đ (Th).

Khi viết giấy vay nợ giữa nhà Đ (Th) và chị S chị cũng có mặt, nhưng khi hai bên ký giấy vay chị đi ra ngoài nghe điện thoại và khi vào có ký vào giấy là người làm chứng. Thực tế chị S nhận trả nợ cho nhà anh Đ (Th) là trả thay cho chị chứ chị S không vay của của nhà Đ (Th). Quan điểm của chị nếu chị S không trả cho nhà Đ (Th) thì chị sẽ trả cho nhà Đ (Th).

* Tại bản án số 07/2019/DSST ngày 12/7/2019 của Toà án nhân dân huyện Hậu Lộc đã quyết định: Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 271; 273; 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 463, khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ quốc hội.

* Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Văn Đ và chị Phạm Thị Th đối với chị Trình Thị S.

Buộc chị Trình Thị S phải trả cho anh Đặng Văn Đ và chị Phạm Thị Th số tiền nợ gốc là 550.000.000đ và tiền lãi là 29.975.000đ. Tổng cộng 579.975.000đ.

- Án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ Thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 05/8/2019 chị Trình Thị S (bị đơn) kháng cáo bản án với nội dung: Kháng cáo toàn bộ Bản án vì lý do không vay nợ mà chỉ ký hộ nên đề nghị xét xử lại theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên toà phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo và đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Anh Đ và chị S xác lập hợp đồng vay nợ, các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đều biết viết, biết đọc và tự nguyện ký vào Giấy vay tiền không bị ai ép buộc, có người làm chứng là chi Đinh Thị H xác nhận. Chị S trình bày hợp đồng vay nợ là việc thỏa Th chuyển nợ nhưng đều không xuất trình được tài liệu chứng cứ để chứng minh được khoản vay 550.000.000đ là việc chuyển nợ giữa các bên. Anh Đ chị Th không thừa nhận có việc chuyển nợ mà chi S là người vay tiền nên yêu cầu chị S phải có trách nhiệm trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn kháng cáo nhưng không có tài liệu chứng cứ nào mới so với cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá nên không có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật TTDS, không chấp nhận kháng cáo của chị Trình Thị S, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Chị S phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến, tranh luận của các đương sự, và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo, các bên không có thỏa Th được với nhau về nội dung tranh chấp nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét các nội dung kháng cáo: Theo Giấy vay tiền do Nguyên đơn xuất trình làm căn cứ cho việc khởi kiện, có nội dung như sau: *"Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Độc lập tự do hạnh phúc. Biên lai vay tiền ngày 25/8/2018 Â. Tên tôi Trình Thị S ở thôn M.Th, xã M. L có vay của em Th Đ ở thôn M.Th, xã M. L chị S vay để đảo sổ Ngân hàng với số tiền là 550.000.000đ (năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn) thời gian hẹn trả là 2 tháng. Người vay ký tên Trình Thị S; người làm chứng ký tên Đinh Thị H.*

Mặt sau của Biên lai vay trên còn thể hiện: *"25/8/2018 Â lịch chị Na S có vay thêm của em Th Đ số tiền 81.600.000đ (tám mốt triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn) chị hẹn trả 2 tháng; ký tên Trình Thị S. Chị có gửi 1 sổ đỏ mang (tên Trình Thị S)"*. Do anh Đ, chị Th khởi kiện yêu cầu chị S trả số tiền đối với

khoản vay 550.000.000đ và không yêu cầu đối với phần nội dung của khoản vay 81.600.000đ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, chị Trình Thị S đều công nhận chữ ký trong giấy vay nợ trên là đúng của chị, nhưng chị không vay số tiền 550.000.000đ của anh Đ, chị Th mà đó là việc chị ký để chuyển khoản nợ chị vay chị H nên không có trách nhiệm phải trả.

Anh Đặng Văn Đ và chị Th khẳng định là ngày 25/8/2018 âm lịch (tức ngày 04/10/2018 dương lịch) anh, chị cho chị Trình Thị S vay số tiền 550.000.000đ với thời hạn 02 tháng có giấy vay nợ gốc đã nộp cho Tòa án (BL5a). Ngoài ra chị S còn vay của anh, chị nhiều lần nên không chấp nhận việc chị S không biết việc mình đã ký vào giấy vay tiền và không có việc ký để chuyển nợ đối với chị H như chị S trình bày. Do khoản nợ này đến hạn anh Đ đã đòi nhiều lần nhưng chị S cố tình không trả nên anh yêu cầu Tòa án buộc chị S có trách nhiệm trả cho anh số tiền gốc 550.000.000đ và số tiền lãi xuất theo ngân hàng tính từ ngày hết hạn theo giấy vay nợ (ngày 04/12/2018 dương lịch).

Xét thấy tại thời điểm anh Đ, chị Th và chị S xác lập hợp đồng vay nợ "*…Biên lai vay tiền ngày 25/8/2018 Â…(BL5a)",* các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đều biết đọc, biết viết và tự nguyện ký vào Giấy vay tiền không bị ai ép buộc, có người làm chứng là chi Đinh Thị H xác nhận. Việc chị S trình bày hợp đồng vay nợ là việc thỏa Th chuyển nợ của chị H nhưng đều không xuất trình được tài liệu chứng cứ để chứng minh được khoản vay 550.000.000đ ký nhận để chuyển nợ giữa ba bên. Anh Đ chị Th không thừa nhận có việc chuyển nợ giữa các bên và giấy vay nợ do chị S vay tiền nên tự nguyện ký nên phải có trách nhiệm trả. Do đó không có cơ sở để chấp nhận như việc trình bày của chị Trình Thị S.

Từ những phân tích trên, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Văn Đ và chị Phạm Thị Th. Buộc chị Trình Thị S phải có trách nhiệm trả cho anh Đ, chị Th số tiền nợ gốc vay ngày 25/8/2018 âm lịch tức ngày 4/10/2018 là 550.000.000đ *(Năm trăm năm mươi triệu đồng*).

Về lãi xuất: Nguyên đơn anh Đ yêu cầu tính lãi theo lãi ngân hàng kể từ ngày hết hạn theo giấy vay nợ tức ngày 04/12/2018. Theo giấy vay không có thỏa Th về lãi xuất, thời hạn vay là hai tháng. Do đó lãi xuất được tính theo hợp đồng vay có kỳ hạn, tiền lãi được tính từ khi chị S chậm thực hiện trả nợ (sau 2 tháng) là ngày 04/12/2018 theo quy định tại Điều 357, 463, khoản 4 Điều 466 BLDS. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về lãi xuất của anh Đặng Văn Đ, cụ thể theo mức lãi xuất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố hiện nay là 9%/năm = 0,75/tháng. Thời gian từ ngày 04/12/2018 (ngày đến hạn trả nợ) cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12/7/2019. Như vậy: 550.000.000đ x 0,75%/tháng x 7 tháng 08 ngày = 29.975.000đ. Tổng cả gốc và lãi chị S phải trả cho anh Đ, chị Th là: 579.975.000đ. Cấp sơ thẩm xét xử và buộc chị S phải trả lãi vay là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Trình Thị S kháng cáo nhưng không có căn cứ nào mới so với cấp sơ thẩm đã đánh giá, xem xét. Vì vậy không chấp nhận kháng cáo của chị Trình Thị S, giữ nguyên quyết định của Bản án Dân sự sơ thẩm số 07/2019/DSST ngày 12/7/2019 của Toà án nhân dân huyện Hậu Lộc.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Chị Trình Thị S phải nộp 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm vì kháng cáo không được chấp nhận để cải sửa án sơ thâm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của chị Trình Thị S, giữ nguyên quyết định của Bản án Dân sự sơ thẩm số 07/2019/DSST ngày 12/7/2019 của Toà án nhân dân huyện Hậu Lộc.

2. Áp dụng: - Khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 463, khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

*** Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Văn Đ và chị Phạm Thị Th đối với chị Trình Thị S.

- Buộc chị Trình Thị S phải trả cho anh Đặng Văn Đ và chị Phạm Thị Th số tiền nợ gốc là 550.000.000đ và tiền lãi là 29.975.000đ. Tổng cộng **579.975.000đ** *(Năm trăm bảy mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn).*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa Th thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Trình Thị S phải nộp 27.199.000đ *(Hai mươi bảy triệu, một trăm chín mươi chín nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Trả lại cho anh Đặng Văn Đ số tiền 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*) nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0005444 ngày 19/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Trình Thị S phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm vì kháng cáo không được chấp nhận. Được trừ vào tiền tạm ứng ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005470 ngày 06/8//2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Hậu Lộc;
- VKSND huyện Hậu Lộc;
- Chi cục THADS huyện Hậu Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Huy Hùng